

Bản án số 257/2022/DS-ST

Ngày 30/8/2022

*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7249/2022/QĐPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nông Thị Kh, sinh năm 1956 và ông Nông Văn S, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: thôn Quỳnh, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kh: Ông Nông Văn S;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đ1 - Văn phòng luật sư Nguyễn Đ1, Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có gửi bản luận cứ bảo vệ.

*** Bị đơn:** Ông Nông Văn Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn Làng Tu, xã IA Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thẩm Văn Kh - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng: Ông Linh Phú C - Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện Hạ Lang; vắng mặt.

2. Ông Nông Văn Tr; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr: Bà Nông Thị Kh, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn Quynh, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Bà Đàm Thị M; có mặt.

4. Ông Nông Văn H; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Quynh, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

5. Bà Nông Thị D; địa chỉ: thôn 07, xã Đắc Drông, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Nông Thị Â; địa chỉ: Phia Đán, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: thôn Làng Tu, xã IA Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

8. Bà Bàng Thị Th; địa chỉ: thôn Quynh, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Bà Nông Thị Kh, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn Quynh, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nông Văn Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn Quynh, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2019, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, các bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nông Thị Kh và ông Nông Văn S trình bày:***

Về mối quan hệ giữa tôi (Kh), S với ông Nông Văn Đ, chúng tôi là anh em ruột. Bố mẹ tôi là ông Nông Văn Kh1 (chết năm 1984) và bà Nông Thị L1 (chết năm 2004) sinh được 05 người con là Nông Thị Kh, Nông Thị D, Nông Văn S, Nông Thị Â, Nông Văn Đ.

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Là đất ruộng mà bố mẹ đã chia cho các con từ năm 1984; cụ thể:

Bà Nông Thị Kh được chia: Thửa đất số 74a, diện tích 1.880m² (nay là thửa số 229, diện tích 1.341,3m²) có tên gọi Nà Thôm; Thửa đất số 93, diện tích 2.293m² (nay là thửa số 27, diện tích 2.259m²) có tên gọi Lầy Lính. 02 thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 194 cấp ngày 22/4/1996

mang tên Nông Văn Tr. Nông Thị Kh và Nông Văn Bộ (con trai bà Kh) đã khai hoang, phục hóa ruộng Nà Tháy, cụ thể bà Kh khai phá 02 thửa, gồm thửa số 78 diện tích 40m², thửa số 80 diện tích 47m² (nay là 78m²), hai thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 157553 cấp ngày 16/3/2008 mang tên Nông Văn Tr, Nông Thị Kh; con trai bà Kh là Nông Văn Bộ khai phá được 03 thửa đất gồm thửa số 53 diện tích 185,5m², thửa số 54 diện tích 190,3m² (nay thửa 53 và 54 đã gộp lại thành 01 thửa), thửa số 207 diện tích 37,1m². Hiện nay 05 thửa đất Nà Tháy đã gộp lại thành 03 thửa là thửa 54 diện tích 190,3m², thửa 83 diện tích 185,5m², thửa 307 diện tích 37,1m²

Ông Nông Văn S được chia: Thửa đất số 104, diện tích 1003,2m² có tên gọi Nà Cọn; ½ thửa ruộng Nà Thôm, nay là thửa số 252, diện tích 2.258m²; Thửa đất số 12, diện tích 1.370,9m² có tên gọi Lăng Rườn.

Ông Nông Văn Đ đã được bố mẹ và anh chị chia đất và tài sản và đã nhận bằng tiền gồm bán 01 con trâu, 01 con ngựa, đồ tương đương số tiền 35.000đ (Ba mươi năm nghìn đồng) đưa hết cho ông Đ chuyển vào miền Nam sinh sống.

Năm 2007 ông Đ từ miền Nam trở về quê sinh sống, do không có đất nên tôi Kh và ông S mới cho ông Đ mượn đất để canh tác. Lợi dụng việc đó ông Đ đã kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất mà chúng tôi cho mượn. Sau đó ông Đ đã bán toàn bộ số đất mượn cho ông Nông Văn H. Sự việc trên đã được Tòa án các cấp giải quyết, tại Bản án số 28/2015/DSPT ngày 31/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 23/4/2008 giữa ông Nông Văn H và ông Nông Văn Đ bị vô hiệu. Trong vụ án này chúng tôi là bị đơn không có đơn phản tố và yêu cầu độc lập để xem xét quyền sử dụng các thửa đất tranh chấp nêu trên nên cấp phúc thẩm không xem xét hậu quả của Hợp đồng vô hiệu và vụ án chưa được giải quyết triệt để.

Do đó, chúng tôi khởi kiện yêu cầu ông Nông Văn Đ trả lại cho bà Nông Thị Kh, ông Nông Văn S các thửa đất Ruộng Nà Cọn (thửa số 104, diện tích 501,6m²); Ruộng Nà Thôm (thửa số 252, diện tích 2.238,6m²); Rẫy Lăng Rườn (thửa số 12, diện tích 1.370,9m²); Rẫy Lầy Lính (thửa số 27, diện tích 2.259,8m²); Ruộng Nà Tháy (thửa số 83, diện tích 185,5m²; thửa số 54 diện tích 190,3m²; thửa số 307, diện tích 37,1m²) và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 191605 cấp ngày 18/11/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 160850 cấp ngày 16/3/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L. Nếu được chấp nhận yêu cầu khởi kiện được quyền quản lý sử dụng những thửa đất trên bà Khoà, ông Đại đồng ý được chung quyền quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Kh, ông S thống nhất chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ba thửa đất là thửa đất Ruộng Nà Cọn (thửa số 104, diện tích 501,6m²); Ruộng Nà Thôm (thửa số 252, diện tích 2.238,6m²); (thửa số 27, diện tích

2.259,8m²). Đối với các thửa đất còn lại là các thửa Ruộng Nà Tháy (thửa số 83, diện tích 185,5m²; thửa số 54 diện tích 190,3m²; thửa số 307, diện tích 37,1m²); Rẫy Lăng Rườn (thửa số 12, diện tích 1.370,9m²) ông bà đồng ý cho ông Đại có quyền quản lý sử dụng. Rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 160850 cấp ngày 16/3/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L; Giữ nguyên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 191605 cấp ngày 18/11/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L.

*** *Tại các bản tự khai và lời khai tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, bị đơn Nông Văn Đ trình bày:***

Về mối quan hệ đúng như bà Kh, ông S trình bày.

Về nguồn gốc các thửa đất đang tranh chấp là do bố mẹ tôi (ông Kh1, bà L1) chia cho. Tôi được chia 2/3 diện tích trong tổng diện tích 2386,4m² ruộng Nà Thôm, ruộng Nà Cộn 501,6m², ruộng Nà Tháy có nhiều thửa nhỏ là (thửa số 83, diện tích 185,5m²; thửa số 54 diện tích 190,3m²; thửa số 307, diện tích 37,1m²), đất rẫy Lầy Lĩnh diện tích 2259,8m², đất rẫy Lăng Rườn diện tích 1370,9m². Các diện tích đất trên tôi được bố mẹ và anh em họ hàng đứng ra chia tách rất công bằng, không ai thắc mắc. Tôi đã kê khai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thửa đất trên.

Nay bà Kh, ông S khởi kiện tôi đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 191605 cấp ngày 18/11/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L, yêu cầu trả ba thửa đất Ruộng Nà Cộn (thửa số 104, diện tích 501,6m²); Ruộng Nà Thôm (thửa số 252, diện tích 2.238,6m²); (thửa số 27, diện tích 2.259,8m²) tôi không nhất trí.

Về đề nghị của bà Khoà, ông S tại phiên tòa tự nguyện cho tôi các thửa đất Ruộng Nà Tháy (thửa số 83, diện tích 185,5m²; thửa số 54 diện tích 190,3m²; thửa số 307, diện tích 37,1m²); Rẫy Lăng Rườn (thửa số 12, diện tích 1.370,9m²) và rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số AK 160850 cấp ngày 16/3/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L tôi đồng ý nhận số ruộng trên và không có ý kiến gì về việc rút bớt yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 160850 cấp ngày 16/3/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L.

*** *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Đàm Thị M trình bày ý kiến tại bản tự khai: Tôi là vợ của ông Nông Văn S. Tôi nhất trí với lời trình bày của ông Nông Văn S tại đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Đ trả lại đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nông Văn Đ và bà Nguyễn Thị L.

- Ông Nông Văn H trình bày: Tôi là người cùng xóm với bà Kh, ông S, ông Đ. Năm 2008 tôi có mua đất với ông Nông Văn Đ, việc mua bán được lập thành văn bản và có xác nhận của chính quyền địa phương. Tôi mua với ông Đại tổng cộng là 07 thửa đất cụ thể số thửa tôi không nhớ với số tiền 62.575.000 đồng, sau

khi mua đất tôi có đi làm thủ tục sang tên nhưng không làm được do đất đang có tranh chấp. Các thửa đất đang tranh chấp tôi vẫn đang quản lý sử dụng từ năm 2008 cho đến nay. Tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kh, ông S, đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của tôi vì tôi đã mua từ năm 2008, canh tác quản lý sử dụng từ năm 2008 đến bây giờ.

- UBND huyện Hạ Lang trình bày: Về quá trình xảy ra tranh chấp đất đai UBND huyện Hạ Lang không nhận được đơn đề nghị giải quyết, đồng thời không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Kh, ông S và ông Đ do các thửa đất hiện nay đang tranh chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 104, tờ bản đồ 54 diện tích 501,6m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 191605 cấp ngày 18/11/2008 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không được lưu trữ theo quy định. Tại thời điểm năm 2007 thửa số 104, tờ bản đồ 54 diện tích 1003,2m² tại phần xác nhận của UBND xã ghi là đang tranh chấp nên chưa đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 229, diện tích 1341,3m² và thửa 252, diện tích 2238,4m² tờ bản đồ 51 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chưa thống nhất được ranh giới giữa ông S và ông Đ tại thời điểm năm 2007.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Ngày 15/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất đang tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã quyết định: Căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 49, 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 8, Điều 158, Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Thị Khoà, Nông Văn S về việc yêu cầu được quyền quản lý sử dụng các thửa đất:

Ruộng Nà Cọn (thửa số 104, diện tích 483,5m²); Ruộng Nà Thôm (thửa số 252, diện tích 2.238,4m²); Rẫy Lầy Lính (thửa số 27, diện tích 2.259,8m²); Theo hiện trạng đo vẽ thẩm định ngày 15/7/2020 (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án) bà Nông Thị Kh và ông Nông Văn S có quyền quản lý sử dụng các thửa đất trên và có trách nhiệm đến cơ quan quản lý nhà nước về đất đai liên hệ để đăng ký quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Ông Nông Văn Đ tiếp tục được quản lý sử dụng các thửa đất Rẫy Lãng Rườn (thửa số 12, diện tích 1.370,9m²) Ruộng Nà Tháy (thửa số 83, diện tích 185,5m²; thửa số 54 diện tích 190,3m²; thửa số 307, diện tích 37,1m²). Theo hiện trạng đo vẽ thẩm định ngày 15/7/2020 (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 160850 ngày 16/3/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nông Thị Kh, Nông Văn S về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 191605 cấp ngày 18/11/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 191605 cấp ngày 18/11/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L vì có căn cứ cấp không đúng đối tượng, sai về trình tự thủ tục.

Kiến nghị UBND huyện Hạ Lang thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền số 194 cấp ngày 22/4/1996 mang tên Nông Văn Tr vì đã được cấp đổi không còn giá trị lưu hành.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2020, bị đơn ông Nông Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị đơn ông Nông Văn Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nông Thị Kh, ông Nông Văn S đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, đã gửi cho Hội đồng xét xử luận cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ quy quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị Kh, ông Nông Văn S; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 194605 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn ông Nông Văn Đ kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đ điện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nông Thị Kh, ông Nông Văn S khởi kiện yêu cầu ông Nông Văn Đ trả lại các diện tích đất có địa chỉ tại thôn Quỳnh, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 191605 cấp ngày 18/11/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 160850 cấp ngày 16/3/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L nên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nông Văn Đ trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nông Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Hạ Lang và bà Nông Thị D đều vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt đã gửi bản luận cứ, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nông Văn Đ:

Các thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nông Văn Kh1 (chết năm 1984) và cụ Nông Thị L1 (chết năm 2004) là bố mẹ bà Nông Thị Kh, ông Nông Văn S và ông Nông Văn Đ. Theo bà Kh, ông S khai thì năm 1984 ông bà được bố mẹ phân chia đất, việc phân chia này chỉ nói miệng, còn ông Đ không được phân chia đất mà được chia bằng tiền bán tài sản là 01 con trâu, 01 con ngựa, đổi tương với tổng số tiền là 35.000 đồng để ông Đ vào miền Nam sinh sống, lập nghiệp. Ông Đ lại khai năm 1984 bố mẹ ông chia đất cho bà Kh, phần diện tích đất còn lại đến năm 1989 ông S và ông Đ mới chia nhau, về số tiền 35.000 đồng ông thừa nhận có nhận của bố mẹ nhưng trong đó có một phần là tiền của riêng ông.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/9/2020, bà Kh, ông S rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả lại các thửa ruộng Nà Cộn (thửa 104, diện tích 501,6m²), ruộng Nà Thôm (thửa 252, diện tích 2238,6m²) rẫy Lầy Lính (thửa 27, diện tích 2259,8m²) và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 191605 cấp ngày 18/11/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L.

Hội đồng xét xử thấy: Đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ 63, diện tích 2259,8m² tại xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng được UBND huyện Hạ Lang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/2008 cho ông Nông Văn Đ, bà Nguyễn Thị L. Theo cung cấp của UBND huyện Hạ Lang tại Công văn số 123/CV-UBND ngày 11/8/2009 thì thửa đất này trùng vào thửa số 93, diện tích 2293m² ông Nông Văn Tr đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Năm 2008, UBND huyện Hạ Lang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ đối với thửa 27 trong khi đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nông Văn Tr, tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận không thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên đương sự và cũng chưa có quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Tr là trái quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất số 252, diện tích 2238,6m² thấy: Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 22/4/1996 cấp cho ông Nông Văn Tr - chồng bà Kh thửa đất số 74^a tờ bản đồ 11, diện tích 1880m² nay là một phần thửa số 299, tờ bản đồ 51, diện tích 1341,3m² và một phần thửa số 252, tờ bản đồ 51, diện tích 2386,4m². Phần của ông S là 1193,2m² đã có cả thửa 74^a diện tích 1880m² có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tr, như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Hạ Lang không phù hợp với thực trạng sử dụng đất của các hộ dân, có sự chồng lấn giữa diện tích đất được cấp của các hộ.

Đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 54, diện tích 1003,2m², trước thời điểm kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 do ông Nông Văn S quản lý sử dụng, sau thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông S và ông Đ mỗi người quản lý ½ diện tích đất tranh chấp.

Tại các đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/3/2007 do ông Nông Văn Đ là người kê khai đối với thửa đất số 104 và thửa đất số 252 tại phần xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn đều xác nhận “để lại, không cấp giấy chứng nhận” và tại phần ý kiến của cơ quan tài nguyên môi trường thuộc UBND cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều xác nhận “chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Mặt khác, đối với thửa đất số 104 và thửa đất số 252, tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 04/4/2008 giữa ông Nông Văn S và ông Nông Văn Đ có lập biên bản chia tách đất đối với thửa đất số 252 và thửa đất số 104, tuy nhiên thửa đất số 252 có cả phần diện tích nằm trong phần diện tích đất ông Tr đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 nên việc thỏa thuận phân chia đất giữa ông S và ông Đ khi không được sự đồng ý của vợ chồng ông Tr, bà Kh là trái quy định của pháp luật. Đối với thửa đất số 104 mặc dù giữa ông S và ông Đ có thỏa thuận chia đôi diện tích, mỗi người được 501,6m² nhưng sau khi thỏa thuận, ông S vẫn không đồng ý với thỏa thuận trên, do đó thỏa thuận ngày 04/4/2008 không có giá trị bắt buộc đối với các đương sự.

Ông Nông Văn Đ cho rằng năm 1989 ông được bố mẹ chia đất và năm 1993 ông vào miền Nam sinh sống đến năm 2005 mới về quê hương, trước khi đi ông có gửi đất cho bà Nông Thị Kh, ông Nông Văn S quản lý nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, ông S, bà Kh không thừa nhận quản lý đất hộ ông Đ và cho rằng khi ông Đ từ miền Nam về, ông S, bà Kh đã cho ông Đ mượn đất của mình để canh tác, việc ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông Đ tự đứng ra kê khai phần diện tích đất ông S, bà Kh cho mượn. Mặt khác, theo lời khai của ông Nông Văn Minh là họ hàng với bà Kh, ông S và ông Đ xác nhận là người biết sự việc trên khai có được nghe kể lại việc chia đất của gia đình bà Kh, đất được chia làm 02 phần cho bà Kh, ông S, phần ông Đ được chia bằng tiền để vào Nam mua đất xây dựng vùng kinh tế mới.

Như vậy, có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp gồm các thửa đất số 104, tờ bản đồ số 54, diện tích 1003,2m²; thửa đất số 27, tờ bản đồ số 63, diện tích 2259,8m² và thửa đất số 252, tờ bản đồ số 51 diện tích 2238,4m² có nguồn gốc là của bố mẹ bà Kh, ông S đã chia cho hai ông, bà, do đó yêu cầu khởi kiện của ông S, bà Kh buộc ông Đ trả lại cho ông, bà các diện tích đất trên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 191605 cấp ngày 18/11/2008 mang tên ông Nông Văn Đ, bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc được bố mẹ chia cho bà Nông Thị Kh và ông Nông Văn S. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện Hạ Lang không xem xét về nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất mà cấp cho vợ chồng ông Nông Văn Đ, bà Nguyễn Thị L là không đúng đối tượng. Mặt khác, các diện tích đất trên có một phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 cho ông Nông Văn Tr là chồng bà Kh, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Văn Đ, bà Nguyễn Thị L trông lên phần đất ông Nông Văn Tr khi chưa có quyết định thu hồi là trái quy định của pháp luật. Tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ và ông S kê khai đều xác nhận các thửa 27, 252, 104 là diện tích đất chưa đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện Hạ Lang vẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà L đối với thửa đất số 27 và thửa đất số 104 là trái pháp luật.

Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị Kh, ông Nông Văn S, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 194605 cấp ngày 18/11/2008 mang tên Nông Văn Đ, Nguyễn Thị L, là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn ông Nông Văn Đ kháng cáo nhưng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ mới, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nông Văn Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vĩ các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nông Văn Đ; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Ông Nông Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp tại Biên lai số 0000109 ngày 08/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Xác nhận ông Đ đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học